

## BIỂU SỐ 02/2016

### THỐNG KÊ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT VIỆC KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA, TRUY TỐ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ

- **Dòng 1 (Số vụ, việc VKS yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu, chứng cứ để kiểm sát việc khởi tố):** thống kê số vụ, việc VKS yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu, chứng cứ để kiểm sát việc khởi tố trong kỳ thống kê (khoản 4 Điều 166 BLTTHS).

- **Dòng 2 (Số vụ án VKS hủy bỏ quyết định khởi tố):** thống kê số vụ án VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự của cơ quan có thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 3 (Số người VKS hủy bỏ quyết định khởi tố bị can):** thống kê số người VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can của CQĐT trong kỳ thống kê.

- **Dòng 4 (Số người VKS có văn bản yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiếp tục cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ để xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can):** thống kê số người VKS xét thấy chưa đủ căn cứ để phê chuẩn và có văn bản yêu cầu CQĐT tiếp tục bổ sung tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT trong kỳ thống kê.

- **Dòng 5 (Số vụ án VKS yêu cầu CQĐT hủy bỏ quyết định khởi tố):** thống kê số vụ án VKS có văn bản yêu cầu CQĐT ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 6 (Số vụ án CQĐT đã hủy bỏ quyết định khởi tố theo yêu cầu của VKS):** thống kê số vụ án CQĐT ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án theo yêu cầu của VKS, bao gồm cả trường hợp VKS đã yêu cầu CQĐT hủy bỏ ở kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này CQĐT mới ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án.

- **Dòng 7/8 (Số vụ án/ Số bị can VKS hủy bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định thay đổi quyết định khởi tố hoặc quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 9 (Số bị can VKS phê chuẩn quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố):** thống kê số bị can VKS có quyết định phê chuẩn quyết định thay đổi hoặc quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can của CQĐT trong kỳ thống kê.

- **Dòng 10/11 (Số vụ án/ Số bị can VKS yêu cầu CQĐT thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS có văn bản yêu cầu CQĐT ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 12/13 (Số vụ án/ Số bị can CQĐT đã thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án theo yêu cầu của VKS):** thống kê số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can theo yêu cầu của VKS bao gồm cả trường hợp VKS đã yêu cầu CQĐT thay đổi, bổ sung ở kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này CQĐT mới ra quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can.

- **Dòng 14 (Số vụ, việc CQĐT ra quyết định không khởi tố):** thống kê số vụ, việc CQĐT ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự phát sinh trong kỳ thống kê.

- **Dòng 15 (Số vụ, việc VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố):** thống kê số vụ, việc VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự (quyết định không khởi tố vụ án hình sự có thể được ban hành trong kỳ thống kê hoặc ở các kỳ thống kê trước).

- **Dòng 16/17 (Số vụ án/ Số bị can VKS khởi tố yêu cầu CQĐT điều tra):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định khởi tố yêu cầu CQĐT điều tra trong kỳ thống kê.

- **Dòng 18/19 (Số vụ án/ Số bị can VKS thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can của CQĐT trong kỳ thống kê.

- **Dòng 20/21 (Số vụ án/ Số người VKS yêu cầu CQĐT khởi tố):** thống kê số vụ án/ số người VKS có văn bản yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án, bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 22/23 (Số vụ án/ Số bị can CQĐT đã khởi tố theo yêu cầu của VKS):** thống kê số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định khởi tố vụ án, bị can theo yêu cầu của VKS, bao gồm cả trường hợp VKS đã có văn bản yêu cầu khởi tố ở kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này CQĐT mới ra quyết định khởi tố vụ án/ khởi tố bị can.

- **Dòng 24 (Số bản VKS đề ra yêu cầu điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội):** thống kê số bản VKS đề ra các yêu cầu điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội trong kỳ thống kê.

- **Dòng 25 (Số người bị bắt trong kỳ thống kê):** thống kê tổng số người bị bắt trong kỳ thống kê.

- Dòng 26/27/28/29/30/31 (**Trong đó: Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp/ Bắt người phạm tội quả tang/ Bắt người đang bị truy nã/ Bắt bị can để tạm giam/ Bắt người bị yêu cầu yêu cầu dẫn độ/ Bắt người trong t]ờng hợp đầu thú, tự thú**): thống kê theo các trường bắt cụ thể gồm: Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp/ Bắt người phạm tội quả tang/ Bắt người đang bị truy nã/ Bắt bị can để tạm giam/ Bắt người bị yêu cầu dẫn độ/ Bắt người trong trường hợp đầu thú, tự thú trong tổng số người bị bắt trong kỳ thống kê.

- Dòng 32 (**Số người bị tạm giữ có người bào chữa**): thống kê số người bị tạm giữ có người bào chữa trong kỳ thống kê.

- Dòng 33 (**Số bị can VKS phê chuẩn lệnh tạm giam**): thống kê số bị can VKS phê chuẩn lệnh tạm giam trong kỳ thống kê.

- Dòng 34 (**Số bị can bị tạm giam có người bào chữa**): thống kê số bị can bị tạm giam có người bào chữa trong kỳ thống kê.

- Dòng 35 (**Số người VKS phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp**): thống kê số người VKS đã ra quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của CQĐT trong kỳ thống kê.

- Dòng 36 (**Số người VKS không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp**): thống kê số người VKS thấy không có căn cứ để phê chuẩn và ban hành quyết định không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của CQĐT trong kỳ thống kê.

- Dòng 37 (**Số người VKS quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp sau đó trả tự do do không có căn cứ pháp luật trong kỳ thống kê**): thống kê số người được trả tự do trong kỳ thống kê mà trước đó bị tạm giữ do VKS có quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (QĐ phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của VKS có thể trong kỳ thống kê hoặc kỳ thống kê trước nhưng được trả tự do trong kỳ thống kê).

- Dòng 38 (**Số người VKS huỷ bỏ quyết định tạm giữ**): thống kê số người VKS huỷ bỏ quyết định tạm giữ khi thấy không có căn cứ hoặc không cần thiết trong kỳ thống kê.

- Dòng 39 (**Số người VKS không phê chuẩn gia hạn tạm giữ (lần thứ nhất, thứ 2)**): thống kê số người VKS không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ của CQĐT không phân biệt gia hạn lần thứ nhất hay lần thứ hai trong kỳ thống kê.

- Dòng 40 (**Số người VKS phê chuẩn gia hạn tạm giữ sau đó trả tự do vì không vi phạm pháp luật**): thống kê số người được trả tự do trong kỳ thống

kê mà trước đó VKS ra quyết định phê chuẩn gia hạn tạm giữ của CQĐT (quyết định phê chuẩn gia hạn tạm giữ của VKS có thể trong kỳ thống kê hoặc kỳ thống kê trước).

- **Dòng 41 (Số người cơ quan bắt giữ trả tự do chuyển xử lý hành chính):** thống kê số người được trả tự do có quyết định xử lý hành chính trong kỳ thống kê (tính cả những trường hợp được trả tự do từ các kỳ thống kê trước nhưng trong kỳ thống kê mới có quyết định xử lý hành chính).

- **Dòng 42 (Số người cơ quan bắt giữ trả tự do không xử lý hành chính):** thống kê số người được trả tự do không bị xử lý hành chính trong kỳ thống kê.

- **Dòng 43 (Số bị can VKS yêu cầu CQĐT bắt tạm giam):** thống kê số bị can VKS có công văn yêu cầu CQĐT bắt tạm giam.

- **Dòng 44 (Số bị can CQĐT đã bắt tạm giam theo yêu cầu của VKS):** thống kê số bị can CQĐT đã bắt tạm giam theo yêu cầu của VKS (tính cả những trường hợp VKS yêu cầu bắt tạm giam từ các kỳ thống kê trước nhưng trong kỳ thống kê CQĐT mới bắt được bị can để tạm giam)

- **Dòng 45 (Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam):** thống kê số bị can VKS ra quyết định không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam trong kỳ thống kê.

- **Dòng 46 (Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam (lần 1, 2, 3 và đặc biệt)):** thống kê số bị can VKS ra quyết định không phê chuẩn lệnh tạm giam lần 1, 2, 3 và lần đặc biệt trong kỳ thống kê.

- **Dòng 47 (Số bị can VKS không phê chuẩn biện pháp bảo lãnh):** thống kê số bị can VKS không phê chuẩn biện pháp bảo lãnh trong kỳ thống kê.

- **Dòng 48 (Số bị can VKS không gia hạn tạm giam):** thống kê số bị can VKS ra quyết định không gia hạn tạm giam trong kỳ thống kê.

- **Dòng 49 (Số bị can VKS quyết định huỷ bỏ biện pháp tạm giam):** thống kê số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ biện pháp tạm giam do tạm giam trái pháp luật trong kỳ thống kê. Các trường hợp huỷ bỏ do đình chỉ bị can, huỷ bỏ khi thấy không cần thiết hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 50 (Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam hoặc thay đổi BPNC từ tạm giam sang biện pháp khác đã phạm tội mới hoặc bỏ trốn):** thống kê số bị can VKS không phê chuẩn áp dụng BPNC hoặc VKS quyết định thay đổi BPNC từ tạm giam phạm tội mới hoặc bỏ trốn trong kỳ thống kê; tính cả những trường hợp VKS không phê chuẩn áp dụng BPNC hoặc VKS quyết

định thay đổi BPNC từ tạm giam thuộc các kỳ thống kê trước nhưng phạm tội mới hoặc bỏ trốn trong kỳ thống kê này.

- **Dòng 51 (Số bị can VKS yêu cầu CQĐT truy nã):** thống kê số bị can VKS yêu cầu CQĐT truy nã do bị can bỏ trốn trong kỳ thống kê.

- **Dòng 52 (Số bị can CQĐT đã truy nã theo yêu cầu của VKS):** thống kê số bị can CQĐT đã truy nã do bị can bỏ trốn theo yêu cầu của VKS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 53 (Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp bảo lãnh):** thống kê số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp bảo lãnh do CQĐT áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật theo quy định tại Điều 121 BLTTHS trong kỳ thống kê. Trường hợp huỷ bỏ khi thấy không cần thiết hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 54 (Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp đặt tiền để bảo đảm):** thống kê số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ biện pháp đặt tiền để bảo đảm do CQĐT áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật theo quy định tại Điều 122 BLTTHS trong kỳ thống kê. Trường hợp huỷ bỏ khi thấy không cần thiết hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 55 (Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú):** thống kê số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú do CQĐT áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật theo quy định tại Điều 123 BLTTHS trong kỳ thống kê. Trường hợp huỷ bỏ khi thấy không cần thiết hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 56 (Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp tạm hoãn xuất cảnh):** thống kê số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ biện pháp tạm hoãn xuất cảnh do CQĐT áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật theo quy định tại Điều 124 BLTTHS trong kỳ thống kê. Trường hợp huỷ bỏ khi thấy không cần thiết hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 57 (Số người, bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp cưỡng chế):** thống kê số người, bị can, bị cáo bị CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng các biện pháp cưỡng chế gồm: Áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong toả tài khoản trong kỳ thống kê.

- **Dòng 58/59/60/61 (Trong đó: Số người bị áp dụng biện pháp áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong toả tài khoản):** thống kê số người, bị can, bị cáo bị CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng cụ thể các biện pháp cưỡng chế gồm: Áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong toả tài khoản trong kỳ thống kê.

- **Dòng 62 (Số người, bị can, bị cáo bị CQĐT, Tòa án áp dụng biện pháp cưỡng chế nhưng không thông báo cho VKS trước khi thi hành):**

thống kê số người, bị can, bị cáo bị CQĐT, Tòa án áp dụng các biện pháp cưỡng chế gồm: Áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản nhưng không thông báo cho VKS trước khi thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 128 (kê biên tài sản) và khoản 2 Điều 129 BLTTHS (phong tỏa tài khoản) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 63 (Số người, bị can, bị cáo được cơ quan có thẩm quyền huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản):** thống kê số người, bị can, bị cáo bị CQĐT, VKS, Tòa án huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản (Điều 130 BLTTHS).

- **Dòng 64/66 (Số vụ án/ Số bị can còn lại của kỳ trước):** thống kê số vụ án/ số bị can mà CQĐT, Hội đồng xét xử và của VKS đã khởi tố ở kỳ thống kê trước còn phải tiếp tục điều tra trong kỳ thống kê này, bao gồm:

+ Những vụ án/ bị can có quyết định khởi tố thuộc các kỳ thống kê trước chưa kết thúc điều tra chuyển sang kỳ thống kê này để tiếp tục điều tra;

+ Những vụ án/ bị can khởi tố ở các kỳ thống kê trước, Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm xét xử huỷ án để điều tra lại;

+ Những vụ án/ bị can có quyết định khởi tố nhưng đình chỉ điều tra thuộc các kỳ thống kê trước, kỳ thống kê này được phục hồi điều tra;

+ Những vụ án/ bị can khởi tố ở các kỳ thống kê trước nhận từ VKS trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong kỳ thống kê;

+ Những vụ án/ bị can được tách từ các vụ án khởi tố từ các kỳ thống kê trước.

- **Dòng 65/67 (Số vụ án/ Số bị can tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ):** thống kê số vụ án/ số bị can đã tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê trước được phục hồi điều tra trong kỳ thống kê. Những vụ án/ bị can có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này.

- **Dòng 68/70 (Số vụ án/ bị can mới khởi tố):** thống kê số vụ án/ số bị can có quyết định khởi tố trong kỳ thống kê, bao gồm:

+ Những vụ án/ bị can mới khởi tố trong kỳ thống kê;

+ Những vụ án/ bị can được tách từ các vụ án/ bị can mới khởi tố trong kỳ thống kê.

***Lưu ý:** Những bị can khởi tố thuộc các vụ án mới là những trường hợp có quyết định khởi tố bị can của CQĐT đã được VKS phê chuẩn trong kỳ thống kê, tính cả những bị can CQĐT khởi tố ở các kỳ thống kê trước nhưng có quyết định phê chuẩn của VKS ở kỳ thống kê này; những bị can do VKS ban hành quyết*

định khởi tố trong kỳ thống kê. Những bị can CQĐT khởi tố chưa có quyết định phê chuẩn của VKS thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 69 (Trong đó: Số vụ án xác định trọng điểm):** thống kê số vụ án được các cơ quan tiến hành tố tụng xác định là vụ án trọng điểm trong tổng số vụ án mới khởi tố trong kỳ thống kê.

- **Dòng 71/72/73 (Trong đó: Số bị can là pháp nhân/ Số bị can xác định trọng điểm/ Số bị can có người bào chữa):** thống kê số bị can là pháp nhân/ số bị can xác định trọng điểm/ số bị can có người bào chữa trong tổng số bị can mới khởi tố trong kỳ thống kê.

- **Dòng 74/75 (Số vụ án/ Số bị can nơi khác chuyển đến):** thống kê số vụ án/ số bị can do nơi khác chuyển đến để điều tra theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 76/77 (Số vụ án/ bị can chuyển đi nơi khác):** thống kê số vụ án/ số bị can chuyển đi nơi khác để điều tra theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 78/80 (Tổng số vụ án/ bị can CQĐT thụ lý điều tra):** thống kê số vụ án/ số bị can CQĐT thụ lý giải quyết trong kỳ thống kê, bao gồm: Số vụ án/ số bị can còn lại của kỳ trước + Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ phục hồi trong kỳ thống kê + Số vụ án/ số bị can mới khởi tố + Số vụ án/ số bị can nơi khác chuyển đến - Số vụ án/ số bị can chuyển đi nơi khác.

- **Dòng 79/81 (Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng):** thống kê số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng trong tổng số vụ án, bị can CQĐT thụ lý điều tra.

- **Dòng 82/87 (Số vụ án/ Số bị can đề nghị truy tố):** thống kê số vụ án/ số bị can có bản Kết luận điều tra ban hành trong kỳ thống kê và có biên bản bàn giao sang VKS để truy tố theo thẩm quyền. Nếu có bản kết luận điều tra ban hành trong kỳ thống kê nhưng chưa có biên bản bàn giao sang VKS thì không thống kê.

- **Dòng 83/84/88/90 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng; Số vụ án/ Số bị can xác định trọng điểm):** thống kê số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng; số vụ án/ số bị can xác định trọng điểm trong tổng số vụ án/ số bị can đề nghị truy tố trong kỳ thống kê.

- **Dòng 85/91 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị can đã đề nghị truy tố ở kỳ thống kê trước (do trả để ĐTB):** thống kê số vụ án/ số bị can có bản Kết luận điều tra và có biên bản bàn giao sang VKS để truy tố theo thẩm quyền từ các kỳ thống kê trước nay đã kết thúc điều tra bổ sung đề nghị truy tố và đã chuyển hồ sơ cho VKS để truy tố theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 86/92 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị can quá hạn điều tra):** thống kê số vụ án/ số bị can đã quá thời hạn điều tra nay đã kết thúc điều tra đề nghị truy tố trong kỳ thống kê và có biên bản bàn giao sang VKS để truy tố theo thẩm quyền.

- **Dòng 89 (Trong đó: Số bị can là pháp nhân):** thống kê số bị can là pháp nhân trong tổng số bị can đề nghị truy tố.

- **Dòng 93/96 (Số vụ án/ Số bị can CQĐT đình chỉ điều tra):** thống kê số vụ án, bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê.

- **Dòng 94/97 (Số vụ án/ Số bị can VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung nhưng sau đó đình chỉ điều tra):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung có QĐ đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê, tính cả những trường hợp vụ án trả hồ sơ từ các kỳ thống kê trước nhưng có quyết định đình chỉ trong kỳ thống kê này.

- **Dòng 95/98 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng):** thống kê số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng được CQĐT đình chỉ điều tra trong tổng số số vụ án/ Số bị can CQĐT đình chỉ điều tra.

- **Dòng 99 (Trong đó: Số bị can đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm):** thống kê số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra vì không phạm tội có lý do đình chỉ căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 157 BLTTHS trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra.

*Lưu ý: Các trường hợp có giám định tâm thần tại thời điểm phạm tội thì không thống kê vào dòng này.*

- **Dòng 100 (T. đó: Số bị can phạm tội tham nhũng):** thống kê số bị can phạm tội tham nhũng CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm trong tổng số CQĐT đình chỉ điều tra quy định tại Dòng 98.

- **Dòng 101 (Trong đó: Số bị can đình chỉ vì hết hạn điều tra không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm):** thống kê số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra vì không phạm tội có lý do đình chỉ căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 230 BLTTHS trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra.

- **Dòng 102 (T.đó: Số bị can phạm tội tham nhũng):** thống kê số bị can phạm tội tham nhũng CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra do hết hạn điều tra không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm trong tổng số CQĐT đình chỉ điều tra quy định tại Dòng 101.

- **Dòng 103 (Trong đó: Số bị can đình chỉ điều tra do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố):** thống kê số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra do bị



hại rút đơn yêu cầu khởi tố hình sự theo Điều 155 BLTTHS trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra.

- **Dòng 104/106/108 (Trong đó: Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 29 BLHS/ Đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 29 BLHS/ Đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 BLHS):** thống kê số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra có lý do đình chỉ căn cứ vào khoản 1, 2, 3 Điều 29 BLHS như: Do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa...; do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa...; người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra.

- **Dòng 105/107 (T. đó: Số bị can phạm tội tham nhũng):** thống kê số bị can phạm tội tham nhũng CQĐT ra quyết định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự quy định tại Dòng 104/106.

- **Dòng 109 (Trong đó: Số bị can đình chỉ điều tra theo Khoản 2 Điều 91 BLHS):** thống kê số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra có lý do đình chỉ là: Người dưới 18 tuổi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khắc phục hậu quả... trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra.

- **Dòng 110 (Trong đó: Số bị can đình chỉ điều tra do bị can chết (khoản 7 Điều 157 BLTTHS):** thống kê số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra khi trong giai đoạn điều tra mà bị can chết trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra.

- **Dòng 111/112 (Số vụ án/ Số bị can CQĐT tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê):** thống kê số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê. Những vụ án/ bị can có quyết định tạm đình chỉ nhưng quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này.

- **Dòng 113/114 (Tổng số vụ án/ Số bị can CQĐT tạm đình chỉ điều tra đến cuối kỳ thống kê):** thống kê số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước (không tính các trường hợp đã được phục hồi điều tra).

*Lưu ý: Để quản lý chặt chẽ các trường hợp tạm đình chỉ của CQĐT, các đơn vị cần kiểm tra công thức:*

*Tổng số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê trước - Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ điều tra phục hồi điều tra trong kỳ thống kê + Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê sẽ bằng Tổng số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê.*

- **Dòng 115/117 (Số vụ án/ Số bị can còn lại chưa kết thúc điều tra):** thống kê số vụ án/ số bị can đến cuối kỳ thống kê chưa có quyết định giải quyết của CQĐT như kết thúc điều tra, đình chỉ, tạm đình chỉ.

- **Dòng 116 (Trong đó: Số vụ án chưa kết thúc điều tra đã quá hạn luật định):** thống kê số vụ án chưa kết thúc điều tra đã quá thời hạn luật định.

- **Dòng 118 (Số bị can CQĐT huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can):** thống kê số bị can mà CQĐT ra quyết định huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 119 (Số bị can CQĐT huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can):** thống kê số bị can mà CQĐT ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 120/121 (Số vụ án/ Số bị can VKS huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án/ bị can của CQĐT):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra đối với vụ án và quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can của CQĐT do quyết định đình chỉ của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 122/123 (Số vụ án/ Số bị can VKS huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án/ bị can của CQĐT):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với vụ án và quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can của CQĐT do quyết định tạm đình chỉ của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 124 (Số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định tách; nhập vụ án hình sự của CQĐT):** thống kê số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định tách; nhập vụ án hình sự của CQĐT do quyết định tách, nhập vụ án hình sự của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 125/126 (Số lần VKS phê chuẩn/ không phê chuẩn lệnh khám xét):** thống kê số lần VKS phê chuẩn/ không phê chuẩn lệnh khám xét đối với bị can của CQĐT do lệnh khám xét của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 127/128 (Số lần VKS phê chuẩn/ không phê chuẩn lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông):** thống kê số lần VKS phê chuẩn/ không phê chuẩn lệnh thu giữ thư

tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông đối với bị can của CQĐT do lệnh thu giữ của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 129 (Số vụ án áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt):** thống kê số vụ án mà trong quá trình điều tra CQĐT áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử trong kỳ thống kê.

- **Dòng 130/131/132 (Trong đó: Ghi âm, ghi hình bí mật/ Nghe điện thoại bí mật/ Thu thập bí mật dữ liệu điện tử):** thống kê số vụ án mà trong quá trình điều tra CQĐT áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử trong kỳ thống kê.

- **Dòng 133 (Số vụ án VKS không phê chuẩn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt):** thống kê số vụ án mà trong quá trình điều tra CQĐT đề nghị VKS phê chuẩn áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử nhưng VKS quyết định không phê chuẩn do việc đề nghị phê chuẩn việc áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 134/135/136 (Trong đó: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử):** thống kê số vụ án mà trong quá trình điều tra CQĐT đề nghị VKS phê chuẩn áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử nhưng VKS quyết định không phê chuẩn do việc đề nghị phê chuẩn việc áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 137 (Số vụ án VKS huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt):** thống kê số vụ án VKS huỷ bỏ việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt (Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử) do có căn cứ quy định tại Điều 228 BLTTHS như: Có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng CQĐT có thẩm quyền, có vi phạm trong quá trình áp dụng...; không cần thiết áp dụng... trong kỳ thống kê.

- **Dòng 138 (Số lần VKS huỷ bỏ quyết định xử lý vật chứng của CQĐT):** thống kê số lần VKS huỷ bỏ quyết định xử lý vật chứng của CQĐT do quyết định xử lý vật chứng của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 139 (Số vụ án CQĐT quyết định trưng cầu giám định):** thống kê số vụ án CQĐT quyết định trưng cầu giám định trong kỳ thống kê.

- **Dòng 140 (Số lần CQĐT ra quyết định trung cầu giám định theo yêu cầu của VKS):** thống kê số lần CQĐT ra quyết định trung cầu giám định theo yêu cầu của VKS bao gồm cả trường hợp VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định trung cầu giám định ở kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này CQĐT mới ra quyết định trung cầu giám định.

- **Dòng 141 (Số lần VKS yêu cầu CQĐT trung cầu giám định pháp y):** thống kê số lần VKS yêu cầu CQĐT trung cầu giám định pháp y trong kỳ thống kê.

- **Dòng 142 (Số lần CQĐT ra quyết định trung cầu giám định pháp y theo yêu cầu của VKS):** thống kê số lần CQĐT ra quyết định trung cầu giám định pháp y theo yêu cầu của VKS bao gồm cả trường hợp VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định trung cầu giám định pháp y ở kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này CQĐT mới ra quyết định trung cầu giám định pháp y.

- **Dòng 143/145 (Số vụ án/ Số bị can còn lại của kỳ trước):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS đã thụ lý ở giai đoạn truy tố ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa giải quyết chuyển sang kỳ thống kê này, bao gồm:

+ Những vụ án/ bị can còn lại kỳ thống kê trước chưa giải quyết chuyển sang kỳ thống kê này;

+ Những vụ án/ bị can VKS quyết định đình chỉ ở kỳ thống kê trước, nay được phục hồi để giải quyết trong kỳ thống kê;

+ Những vụ án/ bị can Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, VKS đã thụ lý ở các kỳ thống kê trước, hồ sơ còn ở VKS chưa chuyển Tòa án.

- **Dòng 144/146 (Số vụ án/ Số bị can tạm đình chỉ phục hồi để truy tố trong kỳ):** thống kê số vụ án/ số bị can đã tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê trước được phục hồi để giải quyết trong kỳ thống kê. Những vụ án/ bị can có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này.

- **Dòng 147/148 (Số vụ án/ Số bị can mới thụ lý):** thống kê số vụ án/ bị can CQĐT đã kết thúc điều tra và bàn giao hồ sơ sang VKS thụ lý để giải quyết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 149 (Trong đó: Số bị can có người bào chữa):** thống kê số bị can có người bào chữa trong kỳ thống kê trong tổng số bị can mới thụ lý.

- **Dòng 150/152 (Số vụ án/ Số bị can nơi khác chuyển đến):** thống kê số vụ án/ số bị can do nơi khác chuyển đến cơ quan VKS để giải quyết theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 151/153 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị can nhận từ nơi khác chuyển đến để truy tố theo thẩm quyền (nhận khác cấp):** thống kê số vụ án/ số bị can nhận từ nơi khác chuyển đến để truy tố theo thẩm quyền (nhận cấp trên) trong kỳ thống kê. Trong trường hợp những vụ án nhận để truy tố theo thẩm quyền cùng cấp thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 154/155 (Số vụ án/ Số bị can chuyển đi nơi khác):** thống kê số vụ án/ số bị can chuyển đi nơi khác để giải quyết theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 156/158 (Tổng số vụ án/ Số bị can VKS thụ lý giải quyết):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS thụ lý giải quyết, bao gồm: Số còn lại của kỳ trước + Số mới thụ lý + Số tạm đình chỉ được phục hồi trong kỳ + Số nhận nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác (Dòng 156/158 = Dòng 143/145 + Dòng 144/146 + Dòng 147/148 + Dòng 150/152 - Dòng 154/155).

- **Dòng 157/159 (Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng):** thống kê số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng trong tổng số vụ án/ số bị can VKS thụ lý giải quyết.

- **Dòng 160 (Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án để quyết định việc truy tố):** thống kê số vụ án VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho CQĐT theo khoản 3 Điều 236 BLTTHS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 161/167 (Số vụ án quyết định truy tố/ Số bị can truy tố):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS ban hành cáo trạng truy tố trong kỳ thống kê và có biên bản bàn giao sang Tòa án để xét xử theo thẩm quyền. Nếu cáo trạng truy tố ban hành trong kỳ thống kê nhưng chưa có biên bản bàn giao sang Tòa án trong kỳ thống kê thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 162/171 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị can đã truy tố ở kỳ thống kê trước (Do trả ĐTB):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS ban hành cáo trạng truy tố và có biên bản bàn giao sang Tòa án nhưng bị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung từ kỳ thống kê trước trong tổng số vụ án, bị can quyết định truy tố.

- **Dòng 163/173 (Trong đó: Số vụ án/ Số bị can chuyển đi nơi khác để xét xử theo thẩm quyền):** thống kê số vụ án/ số bị can chuyển đi nơi khác để xét xử theo thẩm quyền (chuyển để uỷ quyền xét xử) trong tổng số vụ án/ số bị can quyết định truy tố. Đối với những vụ án/ bị can chuyển cùng cấp để xét xử thì không thống kê vào dòng này.

- Dòng 164/165/169/170 (*Trong đó: Số vụ án/ Số bị can xác định trọng điểm/ Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng*): thống kê số vụ án/ số bị can xác định án trọng điểm và thống kê số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng trong tổng số vụ án, bị can quyết định truy tố.

- Dòng 166/172 (*Trong đó: Số vụ án/ Số bị can quá hạn đã quyết định truy tố*): thống kê số vụ án/ số bị can xác định quá thời hạn nhưng nay đã quyết định truy tố và bàn giao hồ sơ sang Tòa án để xét xử theo thẩm quyền trong tổng số vụ án/ số bị can quyết định truy tố.

- Dòng 168 (*Trong đó: Số bị can là pháp nhân*): thống kê số bị can truy tố là pháp nhân trong tổng số bị can quyết định truy tố.

- Dòng 174/177 (*Số vụ án/ Số bị can VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án đối với bị can*): thống kê số vụ án/ số bị can VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án đối với bị can trong kỳ thống kê.

- Dòng 175/178 (*Trong đó: Số vụ án/ Số bị can Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng sau đó đình chỉ*): thống kê số vụ án/ số bị can Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung (có quyết định đình chỉ trong kỳ thống kê, tính cả những trường hợp vụ án trả hồ sơ từ các kỳ thống kê trước nhưng có quyết định đình chỉ trong kỳ thống kê này) nhưng sau đó VKS ra quyết định đình chỉ trong tổng số vụ án, bị can VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ.

- Dòng 176/179 (*Trong đó: Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng*): thống kê số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án/ bị can trong tổng số vụ án VKS quyết định đình chỉ.

- Dòng 180 (*Trong đó: Số bị can đình chỉ do tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm*): thống kê số bị can được VKS đình chỉ do tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm trong tổng số bị can VKS đình chỉ.

- Dòng 181 (*Trong đó: Số bị can đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm*): thống kê số bị can VKS ra quyết định đình chỉ vì không phạm tội có lý do đình chỉ căn cứ vào khoản 1, 2 Đ157 BLTTHS trong tổng số bị can VKS đình chỉ.

- Dòng 182 (*T. đó: Số bị can phạm tội tham nhũng*): thống kê số bị can phạm tội tham nhũng VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm quy định tại Dòng 181.

- **Dòng 183 (Trong đó: Số bị can đình chỉ do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố):** thống kê số bị can VKS ra quyết định đình chỉ do bị hại rút đơn yêu cầu xử lý hình sự theo Điều 155 BLTTHS trong tổng số bị can VKS đình chỉ.

- **Dòng 184/186/188 (Trong đó: Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Đ29 BLHS/ Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Đ29 BLHS/ Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Đ29 BLHS):** thống kê số bị can VKS ra quyết định đình chỉ khi có căn cứ tại khoản 1, 2, 3 Điều 29 BLHS như: Do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa...; do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa...; người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự trong tổng số bị can VKS đình chỉ.

- **Dòng 185/187 (T.đó: Số bị can phạm tội tham nhũng):** thống kê số bị can phạm tội tham nhũng được đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 1, 2 Điều 29 BLHS trong tổng số bị can phạm tội tham nhũng VKS đình chỉ quy định tại Dòng 184/186.

- **Dòng 189 (Trong đó: Số bị can đình chỉ điều tra do bị can chết (khoản 7 Điều 157 BLTTHS):** thống kê số bị can VKS ra quyết định đình chỉ khi trong giai đoạn truy tố mà bị can chết trong tổng số bị can VKS đình chỉ.

- **Dòng 190 (Trong đó: Số bị can đình chỉ điều tra theo khoản 2 Điều 91 BLHS):** thống kê số bị can VKS ra quyết định đình chỉ khi có căn cứ: Người dưới 18 tuổi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khắc phục hậu quả... trong tổng số bị can VKS đình chỉ điều tra.

- **Dòng 191/192 (Số vụ án/ Số bị can VKS tạm đình chỉ trong kỳ thống kê):** thống kê số vụ án/ số bị can có QĐ tạm đình chỉ của VKS phát sinh trong kỳ thống kê. Những vụ án/ bị can có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này.

- **Dòng 193/194 (Tổng số vụ án/ Tổng số bị can VKS tạm đình chỉ đến cuối kỳ thống kê):** thống kê số vụ án, bị can VKS ra quyết định tạm đình chỉ điều tra phát sinh trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước (không tính các trường hợp đã được phục hồi điều tra).

*Lưu ý: Để quản lý chặt chẽ các trường hợp tạm đình chỉ của VKS, các đơn vị cần kiểm tra công thức:*

*Tổng số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê trước - Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ thống kê + Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ trong kỳ thống kê sẽ bằng Tổng số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê (Dòng 190/191 của kỳ thống kê trước - Dòng 142/144 + Dòng 188/189 = Tổng số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê).*

**- Dòng 195/197 (Số vụ án/ Số bị can còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** thống kê số vụ án/ số bị can đến cuối kỳ thống kê chưa có quyết định truy tố, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ của VKS.

**- Dòng 196 (Số vụ án chưa giải quyết đã quá hạn luật định):** thống kê số vụ án chưa giải quyết đã quá hạn luật định.

**- Dòng 198/203 (Số vụ án/ Số bị can VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung):** thống kê số vụ án/ số bị can có quyết định trả hồ sơ để CQĐT điều tra bổ sung trong kỳ thống kê (không tính những vụ án do Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung).

**- Dòng 199/200/201/202 (Trong đó: Còn thiếu chứng cứ/ Có căn cứ khởi tố bị can về một tội hay nhiều tội phạm khác/ Có đồng phạm hoặc người phạm tội khác nhưng chưa được khởi tố/ Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng):** căn cứ vào lý do được quy định tại khoản 1 Điều 245 BLTTHS để thống kê vào các dòng tương ứng.

**- Dòng 204/205 (Số vụ án/ Số bị can VKS hủy bỏ quyết định đình chỉ vụ án và quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can):** thống kê số vụ án/ bị can VKS cấp dưới ban hành quyết định đình chỉ không có căn cứ và trái pháp luật bị VKS cấp trên hủy bỏ trong kỳ thống kê.

**- Dòng 206/207 (Số vụ án/ Số bị can VKS hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS cấp dưới ban hành quyết định tạm đình chỉ không có căn cứ và trái pháp luật bị VKS cấp trên hủy bỏ trong kỳ thống kê.

**- Dòng 208 (Số lần VKS cấp trên hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn):** thống kê số lần VKS cấp dưới ban hành quyết định áp dụng thủ tục rút gọn không có căn cứ và trái pháp luật bị VKS cấp trên hủy bỏ trong kỳ thống kê.

**- Dòng 209 (Số lần VKS cấp trên hủy bỏ lệnh kê biên tài sản):** thống kê số lần VKS cấp dưới ban hành lệnh kê biên tài sản không có căn cứ và trái pháp luật bị VKS cấp trên hủy bỏ trong kỳ thống kê.

**- Dòng 210 (Số lần VKS cấp trên hủy bỏ biện pháp đặt tiền để bảo đảm):** thống kê số lần VKS cấp dưới ban hành biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm không có căn cứ và trái pháp luật bị VKS cấp trên hủy bỏ trong kỳ thống kê.



- **Dòng 211 (Số bị can VKS cấp trên hủy bỏ quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can):** thống kê số bị can VKS cấp dưới ban hành quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật bị VKS cấp trên hủy bỏ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 212 (Số vụ án VKS yêu cầu định giá tài sản):** thống kê số vụ án VKS yêu cầu CQĐT định giá tài sản để làm căn cứ giải quyết vụ án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 213 (Số vụ án VKS quyết định trưng cầu giám định):** thống kê số vụ án VKS ban hành quyết định trưng cầu giám định trong kỳ thống kê.

- **Dòng 214 (Số bản kiến nghị của VKS yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động điều tra):** thống kê số bản kiến nghị của VKS yêu cầu CQĐT khắc phục vi phạm trong hoạt động điều tra các vụ án hình sự trong kỳ thống kê.

- **Dòng 215 (Số bản VKS yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật):** thống kê số bản VKS yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 237 BLTTHS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 216 (Số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật):** thống kê số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 237 BLTTHS trong kỳ thống kê.